

Số: 74 /2024/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu
cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh Cà Mau**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng
Bộ Nội vụ ban hành Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của Cơ sở
dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 917/TTr-SNV ngày 14
tháng 11 năm 2024 và Báo cáo số 511/BC-SNV ngày 17 tháng 12 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, sử dụng, khai
thác Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh
Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ,
Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn
vị sự nghiệp công lập Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách
nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng HCTC, NC (L05);
- Lưu: VT, TH11/12.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Luân

QUY CHẾ

Quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau đây gọi chung là các cơ quan, đơn vị, địa phương).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động (sau đây viết tắt là CBCCVC) trong các cơ quan, đơn vị, địa phương sau:

a) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế (sau đây gọi chung là sở và tương đương); các ban, chi cục thuộc sở, Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh, Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh (sau đây gọi chung là chi cục và tương đương);

b) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Các đơn vị sự nghiệp công lập gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở và tương đương; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục và tương đương; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở dữ liệu CBCCVC trên địa bàn tỉnh Cà Mau (sau đây được viết tắt là Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh) là các thông tin được thu thập từ mẫu sơ yếu lý lịch ban hành kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04 tháng 5 năm 2023

của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 06/2023/TT-BNV) của mỗi CBCCVC, được tổ chức thành tập hợp thông tin có cấu trúc để cập nhật, truy cập, khai thác và quản lý thông qua trang thiết bị công nghệ thông tin.

2. *Quản lý cơ sở dữ liệu* là việc quản trị, vận hành, xác thực dữ liệu điện tử; xây dựng, cập nhật, sửa đổi nội dung, thay đổi trạng thái, khai thác Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh.

3. *Phê duyệt dữ liệu* là thực hiện xác thực thông tin, dữ liệu bằng ký số trên Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh.

4. *Khai thác cơ sở dữ liệu* là việc thực hiện các chức năng tra cứu, tìm kiếm, xem thông tin hoặc tổng hợp các chỉ tiêu thống kê, báo cáo, xuất, in các kết quả trên Cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh.

5. *Ký số* là việc sử dụng thiết bị lưu giữ thông tin chữ ký của mỗi cá nhân đã được mã hóa phục vụ việc sử dụng dịch vụ chữ ký số kết hợp với chức năng của Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh để ký các văn bản điện tử theo thẩm quyền.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Công tác xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh là trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và của CBCCVC; được thực hiện thống nhất, đồng bộ, khoa học, phản ánh đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin của mỗi CBCCVC, kể từ khi được tuyển dụng, ký hợp đồng lao động cho đến khi không còn làm việc tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành; tập trung tối đa nguồn lực, rút ngắn thời gian trong việc thu thập, chỉnh sửa, cập nhật thông tin CBCCVC trong các cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin theo quy định của pháp luật. Việc xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật có liên quan và đảm bảo đồng bộ với Cơ sở dữ liệu quốc gia; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan, đơn vị, địa phương; các quy định về bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Dữ liệu của CBCCVC phải bảo đảm tính cập nhật, chính xác theo quy định của pháp luật. Dữ liệu của CBCCVC được quản lý theo độ hạn chế tiếp cận, mã hóa một số trường thông tin để bảo đảm bảo mật, an toàn thông tin trong công tác cán bộ. Việc xác định độ hạn chế tiếp cận của dữ liệu thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật về CBCCVC.

4. CBCCVC được cơ quan, đơn vị, địa phương có thẩm quyền quản lý theo phân cấp, đồng ý bằng văn bản mới được truy cập, nghiên cứu, sử dụng và khai thác dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh theo quy định của pháp luật, trừ thông tin của cá nhân người đó hoặc pháp luật có quy định khác.

5. Không cung cấp thông tin qua hình thức văn bản đối với thông tin đã được khai thác qua hình thức kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin. Không yêu cầu khai báo lại các thông tin, dữ liệu đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia và Cơ

sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh, trừ trường hợp phục vụ cập nhật hoặc sử dụng cho mục đích xác minh, thẩm tra dữ liệu.

6. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn để áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới và theo quy định hiện hành.

Điều 5. Các hành vi không được làm

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, các hành vi khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương II

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, KHAI THÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU CBCCVC

Điều 6. Tạo lập, cập nhật dữ liệu

1. Chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin dữ liệu của Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 06/2023/TT-BNV.

2. Cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp sử dụng CBCCVC có trách nhiệm tạo lập tài khoản cá nhân cho CBCCVC và chỉ đạo việc cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh.

3. Cá nhân CBCCVC có trách nhiệm truy cập vào tài khoản của mình đã được cấp để cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh; thông tin phải đầy đủ, chính xác theo mẫu sơ yếu lý lịch/mẫu hợp đồng lao động đã được cấp có thẩm quyền quản lý xác nhận; sao lưu dữ liệu và gửi đến người được giao nhiệm vụ quản lý dữ liệu CBCCVC của cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp.

4. Đối với thông tin, dữ liệu của CBCCVC có thay đổi, hiệu chỉnh thì cá nhân có trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh (tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có thông tin thay đổi), kèm theo bản số hóa của tài liệu đã được cấp có thẩm quyền xác nhận (Bản số hóa tài liệu được đính kèm trong Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh là các văn bản kiểm chứng cho nội dung có thay đổi, hiệu chỉnh).

Điều 7. Phê duyệt dữ liệu

1. Định kỳ trước ngày 25 hằng tháng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc người được ủy quyền, có trách nhiệm phê duyệt bằng ký số trên Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh những dữ liệu mới, dữ liệu được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung của CBCCVC thuộc thẩm quyền quản lý, để đồng bộ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia theo phân cấp; chỉ đạo thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, dữ liệu được phê duyệt bằng ký số.

2. Trong vòng 05 ngày cuối hằng tháng, Giám đốc Sở Nội vụ hoặc người được ủy quyền có trách nhiệm phê duyệt bằng ký số dữ liệu của tỉnh đồng bộ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định.

Điều 8. Khai thác Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh

1. Sở Nội vụ sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh để tổng hợp, phân tích đội ngũ CBCCVC, tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm và các nội dung khác thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở Nội vụ, phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh lên Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định tại Quy chế này và Thông tư số 06/2023/TT-BNV.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được khai thác, sử dụng dữ liệu tổng hợp, phân tích chung dữ liệu về CBCCVC của cơ quan, đơn vị, địa phương trong Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh theo phân cấp quản lý. Các dữ liệu này được chia sẻ mặc định từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh theo phân cấp để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành theo chức năng, nhiệm vụ.

3. CBCCVC được khai thác dữ liệu của mình; được truy cập, nghiên cứu, sử dụng và khai thác dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh khi được cơ quan có thẩm quyền quản lý CBCCVC đồng ý bằng văn bản theo quy định của pháp luật.

4. Dữ liệu CBCCVC khi được xuất theo định dạng văn bản điện tử, được ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật thì văn bản điện tử đó có giá trị pháp lý như bản gốc văn bản giấy.

Điều 9. Cách thức sử dụng, khai thác dữ liệu

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh bằng tài khoản được cấp tại địa chỉ <https://qlhscbccvc.camau.gov.vn>

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng, khai thác dữ liệu của cơ quan, đơn vị, địa phương mình bằng việc sử dụng tài khoản do Sở Nội vụ cung cấp để đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh thông qua địa chỉ tại khoản 1 Điều này.

3. CBCCVC sử dụng, khai thác dữ liệu cá nhân bằng việc sử dụng tài khoản cá nhân đã được cấp để đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh thông qua địa chỉ tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Lưu trữ Cơ sở dữ liệu

1. Dữ liệu CBCCVC được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh theo phân cấp quản lý và được Sở Nội vụ tổ chức thực hiện sao lưu định kỳ theo quy định để dự phòng rủi ro.

2. Việc lưu trữ, sao lưu phải tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật về lưu trữ, bảo vệ bí mật nhà nước, cơ yếu, bảo vệ bí mật thông tin cá nhân, an toàn, an ninh thông tin.

Điều 11. Chuyển giao, tiếp nhận dữ liệu

1. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đến cơ quan, đơn vị khác của Nhà nước mà không thuộc thẩm quyền quản lý dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan đang công tác (gọi chung là thay đổi công tác) thì thực hiện theo khoản 1 Điều 11 Thông tư số 06/2023/TT-BNV.

2. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức có quyết định thay đổi công tác đến bộ phận mới trong cùng đơn vị, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực, đơn vị có trách nhiệm chuyển hồ sơ trên Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh đến bộ phận mới.

3. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thay đổi công tác theo quy định tại khoản 1 Điều này; chuyển công tác ra khỏi cơ quan, đơn vị của Nhà nước; nghỉ hưu; thôi việc; qua đời thì cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp sử dụng CBCCVC thực hiện cập nhật trạng thái hồ sơ tương ứng trên Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh.

Điều 12. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh được kết nối, chia sẻ theo quy định kỹ thuật về cấu trúc, định dạng dữ liệu, gói tin, kết nối, chia sẻ dữ liệu do Bộ Nội vụ ban hành.

2. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước) bảo đảm tuân thủ quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp sử dụng CBCCVC thực hiện ký số phê duyệt hồ sơ CBCCVC thuộc thẩm quyền quản lý trước khi đồng bộ dữ liệu của cơ quan, đơn vị, địa phương lên Cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của CBCCVC

1. Chấp hành theo Quy chế này và các quy định của Đảng, pháp luật, quy chế của cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh.

2. Chịu trách nhiệm cập nhật đúng, đầy đủ, chính xác, kịp thời và bảo đảm tính xác thực của dữ liệu, tài liệu cung cấp kèm theo dữ liệu cá nhân của mình, trước pháp luật và trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Chủ động cập nhật dữ liệu khi có sự thay đổi hoặc sai sót đối với dữ liệu của mình trên Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh.

Điều 14. Trách nhiệm của công chức được giao thực hiện công tác quản lý Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh; trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức được giao thực hiện công tác quản lý dữ liệu CBCCVC của cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp

1. Trách nhiệm của công chức được giao thực hiện công tác quản lý Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh.

a) Chấp hành nghiêm túc các nội dung tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Thông qua kỹ thuật nghiệp vụ, tổ chức việc bảo quản, lưu trữ Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định pháp luật.

c) Cung cấp thông tin, dữ liệu CBCCVC chính xác, kịp thời theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

d) Nghiên cứu, phát hiện các vấn đề chưa rõ trong Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh và những vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý, sử dụng, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý.

đ) Tham mưu đơn đốc việc hoàn thiện đầy đủ các trường thông tin trong dữ liệu CBCCVC thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh.

e) Thường xuyên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ công tác quản lý dữ liệu CBCCVC theo yêu cầu công việc.

g) Chịu trách nhiệm bảo đảm bí mật, an toàn thông tin của Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh. Không tiết lộ, cung cấp thông tin tài khoản người dùng nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan, cấp có thẩm quyền về việc vi phạm các quy định về bảo đảm bí mật, an toàn thông tin.

2. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức được giao thực hiện công tác quản lý dữ liệu CBCCVC của cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp.

Thực hiện những nội dung theo quy định tại điểm a, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều này trong phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Cán bộ, công chức, viên chức được giao thực hiện nhiệm vụ tại khoản 1, khoản 2 Điều này nếu vi phạm các quy định tại Quy chế này và các quy định có liên quan sẽ bị xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng CBCCVC

1. Quản lý tài khoản được phân cấp; cấp, hạn chế, mở rộng hoặc hủy quyền truy cập vào Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh theo phân cấp quản lý.

2. Tổ chức thực hiện quản lý dữ liệu CBCCVC theo quy định tại Quy chế này và quy định của cấp có thẩm quyền. Chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra và hướng dẫn nghiệp vụ về công tác quản lý dữ liệu CBCCVC của cơ quan cấp trên và cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh.

3. Đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý dữ liệu CBCCVC trong phạm vi quản lý. Xem xét, xử lý vi phạm cơ quan, đơn vị, cá nhân không cập nhật dữ liệu, có sai phạm trong cập nhật dữ liệu và bảo quản Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh theo phân cấp quản lý.

4. Định kỳ hằng năm (trước ngày 15 tháng 11), báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) về kết quả thực hiện công tác quản lý Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh thuộc phạm vi quản lý theo quy định hoặc khi có yêu cầu.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Đề xuất xây dựng, nâng cấp cơ sở dữ liệu; cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP của Chính phủ phục vụ hoạt động quản lý nhà nước.

2. Sử dụng mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các Bộ, ngành, địa phương.

3. Quản lý, phân cấp quản lý tài khoản người dùng, cấp, hạn chế, mở rộng hoặc hủy quyền truy cập vào Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh trong phạm vi quản lý, trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của cơ quan, đơn vị, địa phương và phù hợp với quy định phân cấp về quản lý CBCCVC.

4. Đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định về an toàn, an ninh và bảo mật thông tin, dữ liệu CBCCVC và đáp ứng yêu cầu đổi mới, tăng cường quản lý CBCCVC của Đảng, Nhà nước.

5. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh.

6. Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch mua sắm, thuê dịch vụ phần mềm, nâng cấp hệ quản trị cơ sở dữ liệu, dịch vụ công nghệ thông tin có liên quan,... đảm bảo vận hành phần mềm quản lý CBCCVC thông suốt, an toàn.

7. Có trách nhiệm về việc lưu trữ, sao lưu, phê duyệt thay đổi thông tin, dữ liệu của CBCCVC thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định của pháp luật.

8. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh tại các cơ quan, đơn vị, địa phương. Xem xét, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý vi phạm các cơ quan, đơn vị và cá nhân không thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

9. Định kỳ hằng năm, chậm nhất là ngày 31 tháng 01 năm sau, báo cáo tình hình quản lý Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh trong năm trước liền kề về Bộ Nội vụ theo quy định.

10. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đảm bảo hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu ổn định, thông suốt, đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật, cấp độ an toàn thông tin theo quy định để kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu CBCCVC của tỉnh với Cơ sở dữ liệu quốc gia; thực hiện các biện pháp bảo trì, bảo dưỡng, đánh giá an toàn thông tin cho máy chủ, mã nguồn ứng dụng định kỳ theo quy định.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Nội vụ thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế này.

2. Đảm bảo điều kiện về hạ tầng kỹ thuật (máy chủ, hệ thống lưu trữ, phần mềm hệ thống, dịch vụ có liên quan) để vận hành phần mềm quản lý CBCCVC.

3. Phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan xử lý các sự cố an toàn thông tin, đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục, thông suốt.

Điều 18. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.